TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **65**/2024/DS-ST
Ngày 29-03-2024
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoài Phương**
Các hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Thụy**
Ông **Phùng Ngọc Toàn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Đào Linh Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2024/TLST-DS ngày 15/01/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-DS ngày 27/02/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-HPT ngày 14/01/2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP ĐCVN(PVCB);** Địa chỉ: 22 Ngô Quyền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đình L- chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: ông Mai Xuân T - chức vụ: Giám đốc khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản; Người được ủy quyền lại: Ông Mai Xuân T - chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản; Người được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 28330/UQ-PVB ngày 18/12/2023 của Ngân hàng TMCP ĐCVN(PVCB): Ông Lô Thành Tr, bà Bùi Thu Tr2; Bà Lê Minh A (bà Trang, bà A có mặt)

* Bị đơn: **Ông Nguyễn Hải N,** sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 6 nhà D2B- 218 ĐC, phường LG, quận BĐ, thành phố HN (ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn - Ngân hàng TMCP ĐCVN(PVCB) trình bày:

PVCB và bên vay là ông Nguyễn Hải N đã ký kết các Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số: 66/2017/HĐTD-TG/PVB-CNĐĐA ngày 04/12/2017 (sau đây viết tắt là "Hợp đồng tín dụng") với các điều khoản như sau: Số tiền vay: 200,000,000đồng; Thời gian cho vay 60 tháng; Tổng số tiền đã giải ngân 200,000,000đồng theo Khế ước

nhận nợ số 66/2017/HĐTD-TG/PVB-CNĐĐA (KUNN01) ngày 04/12/2017; Mục đích sử dụng vốn vay để tiêu dùng; Phương thức trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc: vào ngày 15 hàng tháng; Kỳ hạn trả nợ lãi: Mỗi tháng 01 lần, vào ngày 15 hàng tháng; Lãi suất: Lãi suất áp dụng kể từ thời điểm giải ngân: 14,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng một lần, lãi suất cho vay = LS13 + 6%/năm. Trong đó LS13 là lãi suất Tiền gửi tiết kiệm đại chúng lĩnh lãi cuối kỳ của khách hàng cá nhân, loại tiền VNĐ, kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng công bố từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn hiện tại 20,985 %/năm.

Trong quá trình thực hiện theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Hải N mới chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho PVCB, cụ thể số tiền đã trả như sau: Nợ gốc; 129,987,000đồng; Nợ lãi: 65,975,473đồng; Tổng nợ đã trả: 195,962,473đồng.

Đến thời điểm hiện tại, toàn bộ khoản vay chuyển thành nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. PVCB đã nhiều lần đôn đốc, gửi thông báo và liên hệ để làm việc nhưng ông Nguyễn Hải N không thực hiện thanh toán theo yêu cầu của Ngân hàng.

Tính đến ngày xét xử hôm nay ông N còn nợ ngân hàng số tiền gốc: 70,013,000 VNĐ; tiền lãi: 45.574.640đồng (trong đó: lãi trong hạn: 8.554.898 đồng; lãi trên gốc quá hạn: 34.785.749đồng; lãi chậm trả: 2.233.994đồng).

Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của PVCB, kính đề nghị Toà án nhân dân quận Ba Đình Buộc ông Nguyễn Hải N phải trả cho PVCB tổng dư nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 29/3/2024 là: 115.587.640đồng, trong đó nợ gốc: 70,013,000đồng, nợ lãi: 45.574.640đồng (trong đó: lãi trong hạn: 8.554.898đồng; lãi trên gốc quá hạn: 34.785.749đồng; lãi chậm trả: 2.233.994đồng).

Buộc ông Nguyễn Hải N phải trả cho PVCB các khoản nợ lãi, phí phát sinh với mức lãi suất thỏa thuận theo các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 30/3/2024 cho đến khi tất toán khoản nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Hải N không trả nợ, tất toán được khoản vay thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xác minh, kê biên các tài sản khác và khấu trừ nguồn thu hợp pháp của ông Nguyễn Hải N để xử lý thu hồi nợ.

*** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn - ông Nguyễn Hải N không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu giao nộp văn bản ý kiến trình bày quan điểm, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ.**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập được các thông tin về bị đơn như sau:

Xác minh tại Công an phường LG thì ông Nguyễn Hải N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số nhà 6 nhà D2B- 218 ĐC, phường LG, quận Ba Đình, TP Hà Nội. Ông N không còn ăn ở sinh sống tại địa chỉ trên .

Xác minh tại Học viện hành chính Quốc gia thì ông Nguyễn Hải N hiện không còn công tác tại Học viện.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn - Ngân hàng TMCP ĐCVN giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xét xử:

Buộc ông Nguyễn Hải N thanh toán số tiền nợ gốc, lãi cho Ngân hàng TMCP ĐCVN tính đến ngày 29/3/2024 là: 115.587.640đồng, trong đó nợ gốc: 70,013,000đồng, nợ lãi: 45.574.640đồng (trong đó: lãi trong hạn: 8.554.898đồng; lãi trên gốc quá hạn: 34.785.749đồng; lãi chậm trả: 2.233.994đồng).

Kể từ ngày 30/3/2024, ông Nguyễn Hải N còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho PVCB

**** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định; về thời hạn chuẩn bị xét xử ; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều đã được tống đạt niêm yết hợp lệ về phiên tòa nên việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐCVNvề việc buộc ông Nguyễn Hải N thanh toán số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng và lãi theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Hải N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp hợp đồng tín dụng xảy ra giữa Ngân hàng TMCP ĐCVNvà ông Nguyễn Hải N là tranh chấp giữa một bên doanh nghiệp có tư cách pháp nhân với một bên là cá nhân vay với mục đích tiêu dùng nên xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hải N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 6 nhà D2B- 218 ĐC, phường LG, quận BĐ, thành phố HN do vậy Tòa án Ba Đình giải quyết là đúng theo quy định tại điều 35 của Bộ Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng :

Toà án đã tống đạt hợp lệ, niêm yết giấy triệu tập đến phiên toà lần thứ 2 cho bị đơn – ông Nguyễn Hải N tại nơi cư trú nhưng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt; Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 hướng dẫn quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Hội đồng xét xử xác định đây thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn – ông Nguyễn Hải N không có mặt không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết. Căn cứ khoản 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, ngày 27/02/2024, Toà án nhân dân quận Ba Đình đã ra Thông báo số 59/2024/TB-TA yêu cầu ông N có mặt trước ngày 29/03/2023 tại Toà án để làm việc. Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP ĐCVNđã thực hiện đăng tin theo trình tự thủ tục đối với bị đơn – ông Nguyễn Hải N theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Xét Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 66/2017/HĐTD-TG/PVB-CN ĐĐA ngày 04/12/2017 và Khế ước nhận nợ số 66/2017/HĐTD-TG/PVB-CNĐĐA (KUNN01) ngày 04/12/2017 đều được ký kết bởi đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP ĐCVN– Chi nhánh Đống Đa với ông Nguyễn Hải N trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên, có mục đích và nội dung, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có giá trị thi hành.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, PVCB đã giải ngân số tiền 200.000.000đồng cho ông Nguyễn Hải N theo khế ước nhận nợ số 66/2017/HĐTD-TG/PVB-CNĐĐA (KUNN01) ngày 04/12/2017. Quá trình vay, ông Nguyễn Hải N đã trả nợ cho PVCB được 195,962,473 đồng trong đó nợ gốc: 129.987.000đồng; Nợ lãi: 65.975.473đồng. Sau đó, ông N vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn theo từng thời kỳ. Nay, PVCB yêu cầu ông N phải thanh toán số nợ gốc còn lại tính đến ngày 29/3/2024 là 70,013,000đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Hải N phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐCVNkhoản nợ gốc tính đến ngày 29/3/2024 là 70,013,000đồng (Bảy mươi triệu, không trăm mười ba nghìn đồng).

[3.2]. Xét về lãi suất mà hai bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng

lương số 66/2017/HĐTD-TG/PVB-CNĐĐA ngày 04/12/2017 và Khế ước nhận nợ số 66/2017/HĐTD-TG/PVB-CNĐĐA (KUNN01) ngày 04/12/2017.

*Xét theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối với các hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/7/2019 thì bên vay phải chịu: lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Do đó, đối chiếu với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất thấy: Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Tại Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: *"Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thoả thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam"*. Theo Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng có quy định: *"Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thoả thuận với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả"*. Xét thấy căn cứ trên bản kê tính lãi của nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa, lãi suất để tính lãi phát sinh phù hợp với quy định của pháp luật; về lãi quá hạn, các bên thỏa thuận bằng 150% lãi trong hạn là phù hợp với khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay 1627 nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng đã xuất trình đầy đủ các căn cứ về việc điều chỉnh lãi suất, phù hợp với quy định của pháp luật Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu đòi lãi của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Hải N phải thanh toán nợ lãi trong hạn cho PVCB khoản nợ gốc tính đến ngày 29/3/2024: cụ thể: nợ lãi trong hạn: 8.554.898đồng và nợ lãi quá hạn: 34.785.749đồng.

*Đối với yêu cầu của nguyên đơn về khoản lãi phạt vi phạm là 2.233.994đồng, HĐXX thấy không đúng với hướng dẫn tại Điều 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy, HĐXX thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3.3]. Như vậy, buộc ông Nguyễn Hải N phải thực hiện nghĩa vụ trả cho PVCB tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/3/2024 là: **113.353.646đồng (Một trăm mười ba triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng)**. Trong đó nợ gốc là: 70,013,000đồng; tổng nợ lãi: 43.340.646đồng (trong hạn: 8.554.898đồng và nợ lãi quá hạn: 34.785.749đồng).

[3.4]. Kể từ ngày 30/3/2024, ông Nguyễn Hải N còn phải chịu lãi suất phát sinh

trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho PVCB.

[4] Về án phí:

Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP ĐCVNkhông phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền được chấp nhận; Ngân hàng TMCP ĐCVNphải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận 2.233.994đồng là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 2.772.000 đồng mà Ngân hàng TMCP ĐCVNđã nộp tạm ứng án phí, Ngân hàng TMCP ĐCVNđược nhận lại 2.472.000đồng.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn, số tiền là 5.779.382đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ:

- Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật lãi, lãi suất và phạt vi phạm.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP ĐCVNđối với ông Nguyễn Hải N.

2. Buộc ông Nguyễn Hải N phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐCVNtheo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 66/2017/HĐTD-TG/PVB-CNĐĐA ngày 04/12/2017 và Khế ước nhận nợ số 66/2017/HĐTD-TG/PVB-CNĐĐA (KUNN01) ngày 04/12/2017; tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 29/3/2024 là: **113.353.646đồng (Một trăm mười ba triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm bốn mươi sáu đồng)**. Trong đó nợ gốc là: 70,013,000đồng; tổng nợ lãi: 43.340.646đồng (trong hạn: 8.554.898đồng và nợ lãi quá hạn: 34.785.749đồng).

Kể từ ngày 30/3/2024, ông Nguyễn Hải N còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam. Trường hợp Ngân hàng TMCP ĐCVNcó sự điều chỉnh mức lãi suất cho vay định kỳ theo quy định của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Nguyễn Hải N phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Chúng Việt Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Hải N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.779.382đồng (Năm triệu, bây trăm bẩy mươi chín nghìn, ba trăm tám mươi hai đồng)

Ngân hàng TMCP ĐCVNphải chịu án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền 2.772.000 đồng mà Ngân hàng TMCP ĐCVNđã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004803 ngày 15/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Ngân hàng TMCP ĐCVNđược nhận lại 2.472.000đồng (Hai triệu, bốn trăm bẩy mươi hai nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP ĐCVNcó mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn – ông Nguyễn Hải N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố HN;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND Q.Ba Đình;
- Chi cục Thi hành án Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Phương